

## Chương IV

## GIẢM, MIỄN THUẾ NHÀ ĐẤT

Điều 11. — Được xét giảm, miễn thuế nhà đất trong những trường hợp sau:

1. Nhà xây dựng bằng vật liệu dễ hư hỏng hoặc nhà hư hỏng nặng phải sửa chữa. Thời gian giảm, miễn thuế tối đa là 2 năm.

2. Nhà mới xây dựng ở những đô thị mới hình thành, nhà xưởng của những cơ sở sản xuất mới hoạt động trong 3 năm đầu kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng.

3. Nhà, xưởng của các xí nghiệp quốc doanh thuộc diện phải nộp tiền thu trên vốn, hoặc do nguồn vốn đi vay chưa trả hết nợ, mà nguồn lãi không còn đủ để nộp thuế.

4. Nhà, đất thuộc quyền sở hữu Nhà nước, của các tổ chức xã hội, cho công nhân viên chức Nhà nước thuê theo giá thấp.

5. Các đối tượng nộp thuế nhà đất có khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ.

Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc, thủ tục và mức độ xét giảm, miễn thuế nhà đất cho từng loại đối tượng nói trên.

## Chương V

## ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 12. — Thuế nhà đất do hệ thống thuế Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính tổ chức thu. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thuế được phép ủy nhiệm cho Ủy ban Nhân dân phường, xã thu thuế nhà đất. Cơ quan nhận ủy nhiệm thu thuế nhà đất được hưởng thủ tục phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 13. — Hội đồng Bộ trưởng có quy định riêng về chế độ khen thưởng đối với cơ quan thuế, cán bộ thuế hoàn thành nhiệm vụ được giao và đối với

người có công phát hiện các vụ vi phạm Pháp lệnh thuế nhà đất.

Điều 14. — Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 1991. Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh thuế nhà đất và Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 15. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 16. — Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T Chủ tịch

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

## CHỦ TỊCH

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 280 - CT ngày 19-8-1991 về việc kiện toàn Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ.

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1991;

Căn cứ nghị định số 97-HĐBT ngày 15 tháng 8 năm 1986 về việc thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước đề tặng các nghệ sĩ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin và Thể thao,

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ

sĩ đã được quy định tại quyết định số 333-CT ngày 13 tháng 9 năm 1990.

Điều 2. — Thành viên của Hội đồng xét tặng danh hiệu nghệ sĩ gồm:

*I — Thường trực Hội đồng:*

1. Chủ tịch: Đồng chí Trần Hoàn, nhạc sĩ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin và Thể thao.

2. Phó Chủ tịch: Đồng chí Nguyễn Đình Quang, giáo sư, tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin và thể thao.

3. Đồng chí Đinh Xuân Dũng, thượng tá, Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng.

4. Đồng chí Nguyễn Ngọc Phương, nghệ sĩ ưu tú, Cục trưởng Cục Nghệ thuật sân khấu, Bộ Văn hóa — Thông tin và Thể thao.

*II — Ủy viên Hội đồng.*

*Âm nhạc:*

5. Đồng chí Ca Lê Thuận, Tổng Thư ký Hội nhạc sĩ Việt Nam.

6. Đồng chí Nguyễn Trung Kiên, nghệ sĩ ưu tú, Cục trưởng Cục Âm nhạc và múa, Bộ Văn hóa — Thông tin và Thể thao.

7. Đồng chí Huy Thục, nhạc sĩ.

*Sân khấu:*

8. Đồng chí Dương Ngọc Đức, nghệ sĩ nhân dân, Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

9. Đồng chí Võ Sĩ Thừa, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ tuồng.

10. Đồng chí Nguyễn Đình Nghi, nghệ sĩ nhân dân, đạo diễn kịch nói.

*Điện ảnh:*

11. Đồng chí Đặng Nhật Minh, Tổng Thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam.

12. Đồng chí Trà Giang, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ điện ảnh. /

13. Đồng chí Bùi Đình Hạc, nghệ sĩ nhân dân, đạo diễn điện ảnh.

14. Đồng chí Hồng Sến, nghệ sĩ nhân dân, đạo diễn điện ảnh.

*Múa:*

15. Đồng chí Phùng Thị Nhân, Tổng Thư ký Hội Múa Việt Nam.

16. Đồng chí Thái Ly, nghệ sĩ nhân dân, biên đạo múa.

17. Đồng chí Chu Thúy Quỳnh, nghệ sĩ nhân dân, biên đạo múa.

*Đài Tiếng nói Việt Nam:*

18. Đồng chí Phan Quang, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam.

*Đài Truyền hình Việt Nam:*

19. Đồng chí Phạm Khắc Lâm, Tổng Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin và Thể thao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng và các đồng chí có tên tại điều 2 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bãi bỏ các quyết định số 118-CT ngày 11 tháng 5 năm 1982 và số 333-CT ngày 13 tháng 9 năm 1990.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

**NGUYỄN KHÁNH**

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 281-CT ngày 21-9-1991 về việc bổ sung đối tượng phong danh hiệu nghệ sĩ.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Căn cứ Pháp lệnh ngày 30 tháng 5 năm 1985 của Hội đồng Nhà nước quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước đề tặng các nghệ sĩ, nhà giáo, thầy thuốc;*

*Căn cứ nghị định số 97-HĐBT ngày 15 tháng 8 năm 1986 về việc thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước đề tặng các nghệ sĩ;*